

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2016/NQ-HĐND

An Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến Quyền và nghĩa vụ công dân; Quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 620/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến Quyền và nghĩa vụ công dân; Quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung Quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, thay thế các quy định và các Nghị quyết sau:

4/

1. Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang tại Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng 08 loại phí và 10 loại lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

2. Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

3. Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang;

4. Nghị quyết số 06/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh An Giang;

5. Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ III - Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Cơ quan thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại AG;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-P.



QUY ĐỊNH

**Mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến
Quyền và nghĩa vụ công dân; Quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản
thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45 /2016/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I
LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú do cơ quan địa phương thực hiện.
2. Đối tượng nộp lệ phí: Người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 2 và Điều 3 Quy định này.
3. Cơ quan thu lệ phí: Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thị xã, thành phố và Công an xã, phường, thị trấn là cơ quan trực tiếp thu lệ phí đăng ký cư trú.

Điều 2. Các trường hợp miễn thu lệ phí:

1. Miễn thu lệ phí khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với: cấp hộ khẩu gia đình, cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể;
2. Cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn.

Điều 3. Các trường hợp không thu lệ phí:

1. Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.
2. Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.
3. Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
4. Hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo.
5. Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.
6. Đính chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

Điều 4. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú:

Số TT	Công việc thực hiện	Mức thu
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú:	

	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	15.000 đồng/lần đăng ký
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	7.000 đồng/lần đăng ký
2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú:	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	20.000 đồng/lần cấp
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	10.000 đồng/lần cấp
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường, số nhà:	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	10.000 đồng/lần cấp
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	5.000 đồng/lần cấp
4	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú:	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	8.000 đồng/lần đính chính
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	4.000 đồng/lần đính chính

Chương II

LỆ PHÍ CẤP CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Điều 5. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
2. Đối tượng nộp lệ phí: Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp đổi, cấp lại chứng minh nhân dân, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy định này.
3. Cơ quan thu lệ phí: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh là cơ quan trực tiếp thu lệ phí chứng minh nhân dân.

Điều 6. Các trường hợp miễn thu lệ phí:

Miễn thu lệ phí khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Các trường hợp không thu lệ phí:

1. Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.
2. Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.
3. Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

Điều 8. Mức thu lệ phí:

1. Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 9.000 đồng/lần cấp;
2. Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại: 4.000 đồng/lần cấp.

M/V

Chương III

LỆ PHÍ HỘ TỊCH

Điều 9. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định về mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng nộp lệ phí: Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp được miễn lệ phí hộ tịch quy định tại Điều 10 Quy định này.

3. Cơ quan thu lệ phí:

a) Sở Tư pháp (thu lệ phí đối với thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 10. Các trường hợp được miễn lệ phí hộ tịch:

1. Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

2. Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Điều 11. Mức thu lệ phí:

STT	Công việc thực hiện	Đơn vị tính	Mức thu
I	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
1	Đăng ký Khai sinh	đồng/trường hợp	8.000
2	Đăng ký Khai tử	đồng/trường hợp	8.000
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	đồng/trường hợp	15.000
4	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đồng/bản sao	3.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	đồng/trường hợp	15.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng/trường hợp	15.000
7	Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	đồng/trường hợp	8.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	đồng/trường hợp	8.000
II	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện		
1	Đăng ký Khai sinh	đồng/trường hợp	75.000
2	Đăng ký Khai tử	đồng/trường hợp	75.000
3	Đăng ký Kết hôn	đồng/trường hợp	1.500.000
4	Đăng ký Giám hộ	đồng/trường hợp	75.000

STT	Công việc thực hiện	Đơn vị tính	Mức thu
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	đồng/trường hợp	1.500.000
6	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đồng/bản sao	8.000
7	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	đồng/trường hợp	28.000
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng/trường hợp	75.000
9	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác.	đồng/trường hợp	75.000
III	Đối với thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch của Sở Tư pháp		
1	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch thuộc thẩm quyền cấp xã	đồng/bản sao	3.000
2	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch thuộc thẩm quyền cấp huyện	đồng/bản sao	8.000

Chương IV **LỆ PHÍ CẤP PHÉP LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI** **LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM**

Điều 12. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng nộp lệ phí: Người sử dụng lao động khi làm thủ tục để được cấp giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Cơ quan thu lệ phí: Cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ cấp giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 13. Mức thu lệ phí:

1. Cấp mới giấy phép lao động: 600.000 đồng/1 giấy phép.
2. Cấp lại giấy phép lao động: 450.000 đồng/1 giấy phép.

Chương V **LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Điều 14. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật phải nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

3. Cơ quan thu lệ phí: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ cấp giấy phép xây dựng.

Điều 15. Mức thu lệ phí:

1. Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 50.000 đồng/giấy phép;
2. Cấp phép xây dựng các công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép;
3. Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng: 10.000 đồng/lần.

Chương VI

LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 16. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì phải nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất.

3. Đơn vị thu lệ phí:

- Văn phòng đăng ký đất đai;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Điều 17. Mức thu lệ phí:

Số TT	Công việc thực hiện	Mức thu	
		Đối với GCN QSDĐ, QSH Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chỉ có QSDĐ)	Đối với GCN QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
I	Cấp giấy chứng nhận		
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
a	Tại các phường, thị trấn	25.000 đồng/giấy	100.000 đồng/giấy
b	Tại các khu vực khác	10.000 đồng/giấy	50.000 đồng/giấy
2	Đối với tổ chức	100.000 đồng/giấy	500.000 đồng/giấy
II	Chứng nhận đăng ký biến động		
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân		

Số TT	Công việc thực hiện	Mức thu	
		Đối với GCN QSDĐ, QSH Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chỉ có QSDĐ)	Đối với GCN QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
a	Tại các phường, thị trấn	15.000 đồng/lần	
b	Tại các khu vực khác	5.000 đồng/lần	
2	Đối với tổ chức	20.000 đồng/lần	
III Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính			
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
a	Tại các phường, thị trấn	10.000 đồng/lần	
b	Tại các khu vực khác	5.000 đồng/lần	
2	Đối với tổ chức	10.000 đồng/lần	
IV Cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận			
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
a	Tại các phường, thị trấn	20.000 đồng/lần	20.000 đồng/lần
b	Tại các khu vực khác	10.000 đồng/lần	10.000 đồng/lần
2	Đối với tổ chức	20.000 đồng/lần	50.000 đồng/lần

Chương VII KÊ KHAI, NỘP LỆ PHÍ CƠ QUAN THU

Điều 18. Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Điều 19. Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến Quyền và nghĩa vụ công dân; Quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh không đề cập tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và Lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành (nếu có)./✓

CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt